

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2025/HS-ST
Ngày: 17-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Hoài Duy;
- Ông Nguyễn Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Đức Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố T, Tỉnh N.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố T, Tỉnh N tham gia phiên tòa: ông Lê Xuân Hồng Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố T, Tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Ngọc Thanh G** (tên gọi khác không có) sinh năm 1999; tại Đ; nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Đ; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Ngọc C và bà Nguyễn Thị Thanh T; vợ, con chưa có.

Tiền án: Bản án số 141/2021/ST-HS ngày 07-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố M, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Ngày 31-11-2022 chấp hành xong hình phạt nhưng chưa chấp hành phần án phí và trách nhiệm dân sự.

Tiền sự: không có.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24-01-2025 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an Thành phố T nay là nay là Phân trại tạm giam Thành phố T (khu vực 1) thuộc trại tạm giam Công an Tỉnh N, có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** anh Đỗ Đình P, sinh năm 2006; địa chỉ: khu phố N, phường M, Thành phố T, Tỉnh N (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài, bị cáo Huỳnh Ngọc Thanh G nảy sinh ý định tìm tài sản của người dân không có người trông coi để lấy trộm. Khoảng 09 giờ 30 ngày 23-01-2025, bị cáo đi bộ ngang tiệm tạp hoá của bà Võ Thị P, thấy tiệm mở cửa không có người trông coi, bên trong có 01 xe mô tô biển số 70B2-009.14 của anh Đỗ Đình P (con của bà P), bị cáo lén lút đẩy xe mô tô ra ngoài sau đó điều khiển đến khu vực biên giới nước Campuchia thuộc khu vực xã M, huyện Đ, tỉnh L tìm nơi tiêu thụ. Bị cáo vào tiệm cầm đồ “Hải Yến” gặp một người tên Lê Văn U, bán xe nhưng xe không có giấy chứng nhận đăng ký nên ông U không mua. Bị cáo điều khiển xe ra khỏi tiệm tiếp tục tìm chỗ bán thì gặp 01 người đàn ông (không biết họ tên, địa chỉ) hỏi mua xe, bị cáo bán xe mô tô biển số 70B2-009.14 cho người đàn ông này với số tiền 3.500.000 đồng, bị cáo tiêu xài cá nhân hết 500.000 đồng. Đến ngày 24-01-2025, bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T giữ người trong trường hợp khẩn cấp, thu giữ số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo bán xe có được.

Tại kết luận định giá tài sản số 08 ngày 24/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thành phố T, kết luận: 01 xe mô tô Honda, loại Wave alpha biển số 70B2-009.14 có giá trị là 11.500.000 đồng.

Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo bị kết án chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm.

Về trách nhiệm dân sự: anh Đỗ Đình P yêu cầu Huỳnh Ngọc Thanh G bồi thường 11.500.000 đồng.

Qua xác minh bị cáo không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Tại bản Cáo trạng số: 29/CT- CT-VKSTPTN ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T đã truy tố bị cáo Huỳnh Ngọc Thanh G về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T giữ quyền công tố, trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Ngọc Thanh G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc Thanh G mức án tù 12 tháng đến 18 tháng tù.

- Bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

* Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật, riêng đối với số tiền 3.000.000 đồng thu giữ của bị cáo tại giai đoạn điều tra đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao cho bị hại, do bị cáo chưa thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại.

Về án phí: đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo trình bày lời nói sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công Thành phố T, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện:

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định:

Khoảng 09 giờ 30 ngày 23-01-2025, tại tiệm tạp hóa của bà Võ Thị P, bị cáo lợi dụng không có người trông coi nên lẻn vào vào lấy trộm 01 xe mô tô Honda của anh Đỗ Đình P (con trai bà P), loại Wave alpha biển số 70B2-009.14 bán cho một người không rõ họ tên với số tiền 3.500.000 đồng, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết 500.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng bị tạm giữ khi bị bắt. Xe honda bị cáo lấy trộm theo kết luận định giá có giá trị là 11.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự xã hội ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo biết được hành vi lén lút để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng với bản chất tham lam, thích có tiền tiêu xài cá nhân nhưng lười lao động, xem thường pháp luật đã dẫn bị cáo vào con đường phạm tội. Do đó, cần có một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Khi quyết định hình phạt có xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng đối với bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ: tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần nào hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo bị kết án chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T đề nghị áp dụng mức hình phạt cho bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù, tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc hơn để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[4] Về xử lý vật chứng: đối với 01 nón bảo hiểm màu xám, trên nón có chữ Nón Sơn, 01 đôi dép quai kẹp màu xanh, 01 quần vải dài màu đen, 01 áo sơ mi dài tay sọc vàng đen là những đồ vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; Số tiền 3.000.000 đồng là tiền do phạm tội mà có tuy nhiên bị cáo chưa bồi thường cho bị hại và đây là số tiền bị cáo có được từ việc bán tài sản của bị hại do đó cần tuyên giao cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng này lại cho bị hại theo đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố T là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về bồi thường thiệt hại: tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường số tiền thiệt hại mà bị hại yêu cầu là 11.500.000 đồng nên ghi nhận. Do giao số tiền 3.000.000 đồng thu giữ của bị cáo khi bán tài sản trộm cắp được cho bị hại nên bị cáo còn phải bồi thường thêm cho bị hại số tiền 8.500.000 đồng.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Ngọc Thanh G phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc Thanh G 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 24-01-2025.

2. Về bồi thường thiệt hại: căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Huỳnh Ngọc Thanh G có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho anh Đỗ Đình P số tiền 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng). Trừ số tiền 3.000.000 đồng bị hại Phong được giao trả thì bị cáo còn phải bồi thường thêm cho bị hại Phong số tiền 8.500.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm màu xám, trên nón có chữ Nón Sơn, 01 đôi dép quai kẹp màu xanh, 01 quần vải dài màu đen, 01 áo sơ mi dài tay sọc vàng đen.

Giao cho bị hại Đỗ Đình P số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) trong 01 gói niêm phong có chữ ký của giám định viên Phạm Ngọc C và mộc dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tỉnh N, bên trong có tiền Việt Nam 3.000.000 đồng (gồm 06 tờ mệnh giá 500.000 đồng có số seri lần lượt là NS 19053027; NA 18205227; BL 14194177; BE 08585036; TO 14799242; QH 18220609).

4. Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu 425.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Án hình sự sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Tỉnh N trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV. TAND Tỉnh N;
- VKSND Tỉnh N;
- VKSND Thành phố T;
- Chi cục THADS Thành phố T;
- Cơ quan CSĐT CA Tỉnh N;
- Phòng PV 06 CA Tỉnh N;
- Công an Tỉnh N;
- Phân trại I;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Ly